

Bản án số: 214/2022/HS-ST

Ngày: 21-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Mộng Tuyền;
2. Bà Võ Thị Hồng Tươi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Th Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Lê Toàn V**, sinh ngày 09/8/2002 tại Kiên Giang; thường trú: ấp Th, xã Th, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh H, sinh năm 1980 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/4/2022 sau đó chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay; có mặt.

**2. Phạm Văn L**, sinh năm 1996 tại Kiên Giang; thường trú: ấp C, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố O, phường J, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nh, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1977; có vợ tên Dương Thị Ngọc U, sinh năm 2002 và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 22/4/2022 sau đó chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T cho đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Phan Trần Chí Th, sinh ngày 26/10/2004; thường trú: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Long An; tạm trú: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Long An; tạm trú: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (mẹ); có đơn xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Đào Văn T1, sinh năm 1984; thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố 1, phường E, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

+ Công ty TNHH Cầm đồ S; địa chỉ: Thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 7, khu phố T, phường J, thị xã T, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; thường trú: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Khu phố T, phường J, thị xã T, tỉnh Bình Dương đại diện (Giấy ủy quyền ngày 22/4/2022); có đơn xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Toàn V và Phạm Văn L không có nghề nghiệp ổn định. Anh Phan Trần Chí Th làm công tại tiệm sửa xe Z thuộc khu phố 1, phường E, thị xã T, tỉnh Bình Dương do ông Đào Văn T2 làm chủ. L quen ông T2 do trước đây nhiều lần đến sửa xe.

Khoảng 06 giờ ngày 22/4/2022, do không có tiền tiêu xài nên V bảo L chỉ chỗ mua xe mô tô, L dẫn V đến tiệm sửa xe Z của ông Đào Văn T2 để bán xe. Khi đến nơi, do còn nợ tiền ông T2 nên L ngồi đợi tại một quán nước giải khát cách đó khoảng 500m, còn V mang xe vào tiệm gặp ông T2 thỏa thuận bán xe mô tô loại Dream (không biển số) với giá 600.000 đồng. Sau khi bán xe, V nhờ ông T2 chở ra đường để đón xe về. Ông T2 bảo anh Phan Trần Chí Th lấy xe mô tô biển số 50B1-6031 chở V đi. Khi đến chỗ L đang đợi, V bảo anh Th đứng ngoài đường còn mình vào gặp L. Từ trong quán, V nhìn ra thấy anh Th đang sử dụng điện thoại di động nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, V bàn bạc với L thì L đồng ý. V nhặt được 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm tại gần chậu cây kiểng trong quán nước giấu trong người và cùng L ra chỗ anh Th. V bảo anh Th điều khiển xe chở V và L đi đón xe ôm. Trên đường đi, V mượn điện thoại di động của anh Th để lên mạng đặt Grab. Khi đi đến một quán cà phê tại đường số 14 thuộc

khu phố 5, phường E, V bảo anh Th dừng lại cho V và L vào uống nước. Lúc này, anh Th bảo V trả lại điện thoại thì V trả lại. Sau đó, V bảo L điều khiển xe chở anh Th ngồi giữa, V ngồi sau đi đến đoạn đường lộ cao su thuộc khu phố 5, phường Uyên Hưng, thị xã T. Tại đây, V quan sát thấy đường vắng người nên dùng tay phải đánh 01 cái vào vai của anh Th, L hiểu là V muốn chiếm đoạt tài sản nên đã chủ động cho xe ngã xuống đường làm anh Th và L ngã xuống đường. Sau đó, V lấy con dao bằng kim loại đang cất giấu trong áo dùng bề sóng dao đánh một cái làm vỡ mũ bảo hiểm của anh Th, V tiếp tục dùng bề sóng dao đánh hai cái vào tay phải của anh Th, đồng thời giật lấy điện thoại di động của anh Th đang cầm trên tay. Sau đó, cả hai lấy xe tẩu thoát. Quá trình tẩu thoát, V đưa điện thoại chiếm đoạt được cho L đến tiệm cầm đồ S tại khu phố T, phường J cầm được 1.500.000 đồng. L chia cho V 1.000.000 đồng, giữ lại 500.000 đồng, còn xe mô tô biển số 50B1-6031 đưa cho V sử dụng.

Nhận đơn trình báo, Công an phường E xác minh vụ việc ban đầu, tổ chức truy xét và mời Lê Toàn V, Phạm Văn L về trụ sở làm việc, lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda DH88, biển số 50B1-6031; 01 điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi); 01 nón bảo hiểm màu xanh bị vỡ; 02 biên lai cầm cố điện thoại di động tại tiệm cầm đồ S; số tiền 460.000 đồng của Phạm Văn L và số tiền 1.000.000 đồng của Lê Toàn V.

Đối với vật chứng là 01 con dao Cơ quan điều tra không tìm thấy.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 35/KLTS-TTHS ngày 27/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản thị xã T kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda DH88, biển số 50B1-6031 đã qua sử dụng có giá trị 2.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi) đã qua sử dụng có giá trị 2.130.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.330.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Honda DH88, biển số 50B1-6031 do bà Lâm Kim Ph đứng tên đăng ký sở hữu. Khoảng năm 2002, bà Ph bán xe này cho một người không rõ lai lịch nhưng không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu theo quy định. Ông Đào Văn T2 khai ông mua lại xe này vào năm 2021. Kết quả tra cứu dữ liệu vật chứng tại Công an tỉnh Bình Dương xác định xe này không có trong dữ liệu xe vật chứng. Ngày 20/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại xe cho ông Đào Văn T2.

Đối với chiếc xe mô tô loại Dream (không biển số) V bán cho ông Đào Văn T2 vào ngày 22/4/2022 là của bà Lê Thị Kiều E - dì của V, bà E đã cho V để làm phương tiện đi lại.

Điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi) màu xanh là của bị hại Phan Trần Chí Th. Ngày 20/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại điện thoại này cho anh Th, anh Th không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với vết xây xước trên cánh tay phải của bị hại Phan Trần Chí Th, anh Th không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường.

Đại diện của Công ty TNHH Cầm đồ S khai vào ngày 22/4/2022 có nhận cầm cố của Phạm Văn L 01 điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi) với số tiền 1.500.000 đồng. Khi nhận cầm điện thoại này, nhân viên công ty không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Công ty đã tự nguyện giao nộp điện thoại và không có yêu cầu bồi thường.

Bản Cáo trạng số 211/CT-VKS-TU ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Toàn V và Phạm Văn L về tội “Cướp tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Toàn V từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX tịch thu, tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu xanh bị vỡ; tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.460.000 đồng; buộc bị cáo Phạm Văn L nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 40.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Ngày 22/4/2022, tại khu phố 5, phường E, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Lê Toàn V và Phạm Văn L có hành vi dùng 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 40cm là phương tiện nguy hiểm đánh vào cánh tay phải và vùng đầu (đang đội nón bảo hiểm) của bị hại Phan Trần Chí Th để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 50B1-6031 trị giá 2.200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Redmi (Xiaomi) trị giá 2.130.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.330.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu của bị hại được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có sức khỏe nhưng không lao động để tạo thu nhập mà vì tham lam, tư lợi, thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách quyết liệt, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do đó, cần xử các bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Trong vụ án này, bị cáo V là người khởi xướng và thực hiện tội phạm tích cực nên mức hình phạt sẽ cao hơn mức hình phạt của bị cáo L.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc nón bảo hiểm màu xanh của bị hại đã bị vỡ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy; đối với số tiền 1.460.000 đồng các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo Phạm Văn L nộp số tiền 40.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Lê Toàn V và Phạm Văn L phạm tội “Cướp tài sản”.

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

1.1 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Toàn V 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2022.

1.2 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2022.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu xanh bị vỡ;
- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.460.000 đồng;
- Buộc bị cáo Phạm Văn L nộp số tiền 40.000 đồng thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).*

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Lê Toàn V và Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Trí**